TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 23-01-2026
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Cao Đình Nhân**
Bà **Nguyễn Thị Lan Hương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Minh Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - tỉnh Lâm Đồng*** *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 36/2025/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lương Thị H**, sinh năm 1988;
Địa chỉ: thôn P, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn Ng**, sinh năm 1982;
Địa chỉ: thôn T, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị H có mặt, anh Ng vắng mặt mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Ng sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, đến ngày 08/5/2008 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng). Việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống giữa hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống với gia đình nhà chồng ở thôn T, xã H, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ng hay nhậu nhoẹt say sỉn, chửi bới vợ con, ham chơi bời và không chịu chăm sóc gia đình nên vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã lẫn nhau, thậm chí nhiều lần anh Ng có hành vi đánh đập chị, khiến chị tổn thương về mặt tình cảm, khủng hoảng về tinh thần, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do không chịu được tính cách, lối sống của anh Ng nên từ tháng 11/2023 chị đã dọn ra ngoài sống riêng. Tháng 4/2025 chị đã làm đơn xin ly hôn anh Ng gửi Toà án nhân dân huyện Đức Trọng (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng) giải quyết ly hôn nhưng nghĩ thương các con còn nhỏ nên chị đã rút đơn và Toà án đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Chị và anh Ng sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay, mạnh người nào người đó sống, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục hàn gắn và chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Ng.

Về con chung: Chị và anh Ng có hai người con chung là cháu Lê Văn T, sinh ngày 20/01/2009 và cháu Lê Thị Yến L, sinh ngày 18/6/2010. Hiện nay, các cháu đang ở với chị và do chị nuôi dưỡng. Cháu T đã nghỉ học, cháu L đang học trường THPT Hoàng Hoa Thám, xã H. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, cháu L và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nghề nông, thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng nên có điều kiện về kinh tế và thời gian để chăm sóc các con. Anh Ng không có nghề nghiệp và hay nhậu nhoẹt nên việc nuôi dưỡng con sẽ không đảm bảo cho các con phát triển tốt về mọi mặt.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Ng không có nợ chung.

Bị đơn anh Lê Văn Ng đã được Tòa án tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Mặt khác, nguyên đơn chị Lương Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Ng, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Lê Văn T, Lê Thị Yến L và không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh Ng không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh Ng không chấp hành đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lương Thị H và anh Lê Văn Ng được ly hôn. Về con chung: giao cháu Lê Văn T và cháu Lê Thị Yến L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Về nợ chung: không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Ng, anh Ng có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã H, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là "*Tranh chấp ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025.

1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 30 tháng 12 năm 2025, anh Ng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Ng theo thủ tục chung.

2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Ng đã được UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 172, quyển số 01/07-08 ngày 08/5/2008. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện,

thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh Ng là hợp pháp.

Theo tài liệu có trong hồ sơ, chị H cho rằng vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ng hay nhậu nhoẹt say sỉn, ham chơi bời và không chịu chăm sóc gia đình nên vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã lẫn nhau, thậm chí nhiều lần anh Ng có hành vi đánh đập chị, khiến chị tổn thương về mặt tình cảm, khủng hoảng về tinh thần, cuộc sống chung không hạnh phúc. Tháng 4/2025 chị đã làm đơn xin ly hôn anh Ng gửi Toà án nhân dân huyện Đức Trọng (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng) giải quyết ly hôn nhưng nghĩ thương các con còn nhỏ nên chị đã rút đơn và Toà án đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Chị và anh Ng sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay, mạnh người nào người đó sống, không ai quan tâm đến ai.

Tại biên bản xác minh ngày 24/11/2025 *(bút lục 32)*, ông Lầu Làng O là trưởng thôn T, xã H cho biết *"Anh Lê Văn Ng cư trú tại thôn T, xã H, tỉnh Lâm Đồng. Về mâu thuẫn trong gia đình, anh Ng hay nhậu nhoẹt, không chịu làm ăn lo cho cuộc sống gia đình và vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung"*.

Đối với anh Ng đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết và đến Tòa án tham gia phiên họp, phiên tòa nhưng đều vắng mặt, điều đó thể hiện sự bỏ mặc, không còn thiết tha đến tình cảm vợ chồng.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Ng là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, mà đã sống ly thân, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên không có biện pháp giải quyết, hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Ng. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị H và anh Ng được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị H, anh Ng có hai người con chung là cháu Lê Văn T, sinh ngày 20/01/2009 và cháu Lê Thị Yến L, sinh ngày 18/6/2010. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn quy định *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con,*

nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyên vọng của con". Xét thấy, đến thời điểm xét xử cháu T, cháu L đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện tại, chị H làm nghề nông, thu nhập ổn định 10.000.000đ/tháng và không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Vì vậy, để ổn định cuộc sống, học tập của các cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu T, cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nguyện vọng của các cháu, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt. Chị H không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị H cho rằng không có nợ chung. Đối với anh Ng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa làm việc nhưng vắng mặt nên không thể hiện ý kiến về vấn đề nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về nợ chung. Sau này nếu có tranh chấp về nợ chung thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 220, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi. bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lương Thị H đối với bị đơn anh Lê Văn Ng.

Cho chị Lương Thị H và anh Lê Văn Ng được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn T, sinh ngày 20/01/2009 và cháu Lê Thị Yến L, sinh ngày 18/6/2010cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Lương Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Buộc chị Lương Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0007590 ngày 05/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lâm Đồng (chị Hà đã nộp đủ). Anh Lê Văn Ng không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2 - Lâm Đồng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lâm Đồng;
- UBND xã H, tỉnh Lâm Đồng,
tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Luyện Thanh Sơn

TAND KHU VỰC 2
DYX230126.TL.QDBA
580